



Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: Đen CS100

An Toàn: 037-S153450

Ngày thiết lập: 2017/10/20

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Mục 1 - LAI LỊCH

Định Danh Sản Phẩm: Đen CS100

Mô Tả Sản Phẩm: CS100-K-BB

Công dụng của sản phẩm

Mực màu cho máy in phun mực

Các Giới Hạn Sử Dụng

Chưa biết.

Thông tin về nhà sản xuất

Mimaki Engineering Co., Ltd

2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano

389-0512 Japan

Số Điện Thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)

+65 3158 1074

Mục 2 - THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

CAS	thành phần	phần trăm
112-07-2	ETYLEN GLYCOL MONOBUTYL ETE AXETAT	50-60
96-48-0	γ -Butyrolactone	15-25
108-65-6	PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE AXETAT	15-25
1333-86-4	THAN ĐEN	1-10
Bí mật Thương mại	PHỤ GIA	0.1-5
Bí mật Thương mại	Copolyme của vinyl clorua-vinyl axetat	1-10

Mục 3 – NHẬN DẠNG NGUY CƠ

Phân Loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4

Độc tính cấp (qua miệng), Nhóm 5 (~10% chưa biết)

Độc tính cấp (qua da), Nhóm 5 (~10% chưa biết)

Tổn Thương Mắt/Kích Ứng Mắt Nghiêm Trọng, Nhóm 1

Khả năng gây ung thư, Nhóm 2

Độc sinh sản, Nhóm 1B

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một lần, Nhóm 1 (máu, hệ thần kinh trung ương, độc tính toàn thân)

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một lần, Nhóm 2 (thận và hệ thống tạo máu)

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một lần, Nhóm 3 (đường hô hấp)

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều lần, Nhóm 1 (phổi)

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều lần, Nhóm 2 (máu và thận)

Nguy hại cho môi trường nước - nguy cơ cấp tính, Nhóm 3

Bản Thông Tin An Toàn

Nguy hiểm cho môi trường nước - nguy cơ lâu dài, Nhóm 3

THÀNH PHẦN NHÃN GHS

(Các) Ký Hiệu



Từ Cảnh Báo

NGUY HIỂM

(Các) Tiêu Ngữ Hiểm Họa

H227 Chất lỏng có thể cháy.

H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.

H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

H318 Gây tổn thương nặng cho mắt.

H351 Nghi ngờ gây ung thư.

H360 Có thể gây tổn hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

H370 Gây tổn thương cho máu, hệ thần kinh trung ương, và Cơ thể

H371 Có thể gây tổn thương cho thận và hệ thống tạo máu.

H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

H372 Gây tổn thương phổi khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H373 Có thể gây tổn thương máu và thận khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H412 Có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

(Các) Tiêu Ngữ Đề Phòng

Phòng ngừa

P201 Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P202 Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn.

P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc.

P260 Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.

P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông khí tốt.

P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.

P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt.

P264 Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác.

P273 Tránh thải ra môi trường.

Ứng phó

P370+P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng chất chữa cháy phù hợp.

P308+P313 NẾU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

P304+P340 KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở.

P312 Gọi cho TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe.

P305+P351+P338 NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. **P310** Gọi ngay lập tức cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ.

Bảo quản

Bản Thông Tin An Toàn

P403+P235 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát.

P233 Giữ dụng cụ đựng thật kín.

P405 Bảo quản trong tình trạng khóa chặt.

Thải bỏ

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các Hiểm Họa khác không Dẫn Đến phải Phân Loại

Chưa biết.

* * *Mục 4 - Các Biện Pháp Sơ Cứu* * *

hít phải

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ.

da

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng.

mắt

Rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Tìm y tế chăm sóc ngay.

ăn phải

Nếu nuốt phải, tìm y tế chăm sóc.

Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Triệu chứng: Tức Thờ

tổn thương mắt, kích ứng đường hô hấp, tổn thương máu, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương nhiễm độc toàn thân, tổn thương thận, các tác dụng trên hệ thống tạo máu

Triệu chứng: Chạm Xảy Ra

ung thư, các tác dụng trên sinh sản, tổn thương phổi, tổn thương máu, tổn thương thận

* * *Mục 5 - Các Biện Pháp Chữa Cháy* * *

Chất Chữa Cháy Phù Hợp

cacbon dioxyt, hóa chất khô thông thường, nước xịt, bột chịu alcol

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao.

Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất

Chất lỏng và hơi có thể cháy.

Trang Bị Bảo Hộ và Biện Pháp Đề Phòng Đặc Biệt cho Nhân Viên Chữa Cháy

Sử dụng trang phục bảo hộ chữa cháy đầy đủ kể cả thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ chống khả năng bị tiếp xúc.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao. Làm nguội dụng cụ đựng bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Tránh xa các đầu của bồn chứa. Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm phụ của quá trình cháy. Khi cháy tại khu vực hàng hóa đang vận chuyển hoặc cất giữ: Làm nguội dụng cụ đựng bằng cách phun nước từ thiết bị giữ ống hoặc hong phun đôi hương không người cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Nếu không thể làm được việc này thì phải thực hiện các biện pháp đề phòng sau đây: Người không có trách nhiệm cần tránh xa,

Bản Thông Tin An Toàn

cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Để cho lửa đốt cháy. Rút lui ngay lập tức khi có âm thanh phát ra càng lúc càng lớn từ van xả khí an toàn hoặc bồn chứa bị biến màu do lửa.

Các Sản Phẩm Cháy Gây Nguy Hiểm

Cháy: oxyt của cacbon

* * *Mục 6 - Các Biện Pháp Xử Lý Rò Rỉ Bất Ngờ* * *

Các Biện Pháp Để Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp

Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.

Các Biện Pháp Để Phòng Cho Môi Trường

Tránh thải ra môi trường.

Các Phương Pháp và Vật Liệu dùng để Ngăn Chặn và Làm Sạch

Loại bỏ mọi nguồn lửa nếu có thể thực hiện được an toàn. Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm cho người. Làm giảm bớt hơi bằng cách xịt nước.

Các Phương Pháp Làm Sạch

Lượng tràn nhỏ: Dùng cát hoặc vật liệu không cháy khác để thấm hút. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ. **Lượng tràn lớn:** Ngăn chặn thu gom để thải bỏ sau này. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.

* * *Mục 7 - Thao Tác và Bảo Quản* * *

Các biện pháp để phòng cho Thao Tác An Toàn

Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp để phòng cho an toàn. Tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và các bề mặt nóng - Không hút thuốc. Không hít hơi hoặc sương. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông khí tốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Đeo găng tay bảo hộ và phương tiện bảo vệ mắt/mặt Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác. Tránh thải ra môi trường.

Các điều kiện Bảo Quản An Toàn, kể cả mọi Chất Tương Kỵ

Bảo quản và xử lý theo tất cả các quy định và tiêu chuẩn hiện hành. Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Giữ mát. Cần tiếp đất và kết nối. Bảo quản trong tình trạng khóa chặt. Giữ cách ly khỏi các chất tương kỵ.

Các chất tương kỵ: axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, halogen, amin

* * *Mục 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN* * *

Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần

ETYLEN GLYCOL MONOBUTYL ETE AXETAT (112-07-2)

ACGIH: 20 ppm Đo trung bình theo thời gian

NIOSH: 5 ppm Đo trung bình theo thời gian; 33 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian

PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE AXETAT (108-65-6)

AIHA: 50 ppm TWA

THAN ĐEN (1333-86-4)

ACGIH: 3 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian (phần có thể hít)

NIOSH: 3.5 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian; 0.1 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian (than đen với sự hiện diện của các hydrocacbon thơm đa vòng (PAH), as Hydrocacbon thơm đa vòng (PAH))

OSHA: 3.5 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian

Việt Nam: 3.5 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian
7 mg/m³ Mức tiếp xúc từng lần tối đa

Bản Thông Tin An Toàn

Các Giá Trị Giới Hạn Sinh Học Của Thành Phần

Không có giá trị giới hạn sinh học nào cho (các) thành phần của sản phẩm này.

Các Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật Phù Hợp

Thiết bị thông khí phải thuộc loại chống nổ nếu có sự hiện diện của nồng độ bụi có thể nổ của vật liệu. Cung cấp phương tiện hút thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống thông khí cho buồng kín của quy trình làm việc. Bảo đảm tuân thủ các giới hạn tiếp xúc hiện hành.

Các Biện Pháp Bảo Vệ Cá Nhân, như Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Mắt/Mặt

Đeo kính an toàn chống văng bắn có bộ phận che mặt. Cung cấp điểm rửa mắt khẩn cấp và tắm ướt nhanh ngay cạnh khu vực làm việc.

Trang Phục Bảo Hộ

Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến của người có chuyên môn về sức khỏe và an toàn để được biết các thiết bị thở phù hợp với việc sử dụng của quý vị.

* * *Mục 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC* * *

Trạng Thái Vật Lý:	chất lỏng	Ngoại quan:	đen chất lỏng
Màu:	đen	Dạng Vật Lý:	chất lỏng
Mùi:	mùi dung môi	Ngưỡng Phát Hiện Mùi:	Không có
pH:	Không có	Điểm Chảy:	<-30°C
Điểm Sôi:	145-209°C	Điểm Chớp Cháy:	65±1 °C
Nhiệt Độ Phân Hủy:	Không có	Tốc Độ Bay Hơi:	Không có
LEL (Giới hạn tiếp xúc dưới):	Không có	UEL (Giới hạn tiếp xúc trên):	Không có
Áp Suất Hơi:	0.493kPa (20 °C)	Tỷ Khối Hơi (không khí = 1):	Không có
Tỷ trọng:	Không có	Khối Lượng Riêng (nước = 1):	0.995±0.01 (25 °C)
Độ Tan Trong Nước:	Không có	log Kow (logarit của hệ số phân tách octanol - nước):	Không có
Hệ Số Phân Bố Trong Nước/Dầu:	Không có	Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy:	Không có
Độ Nhớt:	4.0±0.3 mPa·s (25 °C)	Khả năng bay hơi:	Không có
Tính Chất Oxy Hóa:	Không có	Tính Chất Nổ:	Không có
Khả năng cháy (rắn, khí):	Không áp dụng		

Thông Tin Về Tính Chất Khác

Không có thông tin thêm.

* * *Mục 10 - ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG* * *

Khả năng phản ứng

Dự kiến sẽ không có hiểm họa do khả năng phản ứng.

Bản Thông Tin An Toàn

Độ bền hóa học

Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường.

Các điều kiện cần Tránh

Tránh ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Bình chứa có thể thủng hoặc nổ nếu để cho tiếp xúc với nhiệt.

Tránh tiếp xúc với vật liệu tương kỵ.

Khả Năng Phản Ứng Nguy Hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, halogen, amin

Sản Phẩm Phân Hủy Gây Nguy Hiểm:

Cháy: oxyt của cacbon

* * *Mục 11 - Thông Tin Về Độ Tính* * *

Độc Tính Lâu Dài và Cấp Tính

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

(Các) thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá được chọn sau đây đã được công bố:

ETYLEN GLYCOL MONOBUTYL ETE AXETAT (112-07-2)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 2400 mg/kg; LD50 (liều bán tử) qua da thỏ 1480 mg/kg

PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE AXETAT (108-65-6)

LD50 (liều bán tử) qua da thỏ >5 g/kg; LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 8532 mg/kg

γ -Butyrolactone (96-48-0)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 1540 mg/kg; LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp chuột (rat) >5100 mg/m³ 4 h (không có trường hợp tử vong nào xảy ra)

THAN ĐEN (1333-86-4)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) >15400 mg/kg

Các Tác Dụng Tức Thời

tổn thương mắt, kích ứng đường hô hấp, tổn thương máu, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương nhiễm độc toàn thân, tổn thương thận, các tác dụng trên hệ thống tạo máu

Các Tác Dụng Chậm Xảy Ra

ung thư, các tác dụng trên sinh sản, tổn thương phổi, tổn thương máu, tổn thương thận

Dữ liệu về Khả năng Kích ứng/Ăn mòn

tổn thương mắt, kích ứng đường hô hấp

Chất Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có thông tin về sản phẩm.

Chất Gây Mẫn Cảm Da

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng gây ung thư

Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần

ETYLEN GLYCOL MONOBUTYL ETE AXETAT (112-07-2)

ACGIH: A3 - Chất đã được xác nhận là gây ung thư cho động vật nhưng chưa biết có liên quan đến người hay không

DFG: Nhóm 4 (không góp phần đáng kể vào ung thư cho người)

γ -Butyrolactone (96-48-0)

Bản Thông Tin An Toàn

IARC: Chuyên khảo 71 [1999]; Phụ lục 7 [1987]; Chuyên khảo 11 [1976] (Nhóm 3 (không thể phân loại))

THAN ĐEN (1333-86-4)

ACGIH: A3 - Chất đã được xác nhận là gây ung thư cho động vật nhưng chưa biết có liên quan đến người hay không

IARC: Chuyên khảo 93 [2010]; Chuyên khảo 65 [1996] (Nhóm 2B (có thể gây ung thư cho người))

DFG: Nhóm 3B (có thể gây ung thư cho người, phần có thể hít)

OSHA: hiện hữu

Copolymer của vinyl clorua-vinyl axetat (Bí mật Thương mại)

IARC: Phụ lục 7 [1987]; Chuyên khảo 19 [1979] (Nhóm 3 (không thể phân loại))

Dữ liệu về Gây Đột Biến Gen

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ Liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Dữ liệu hiện có mô tả các thành phần của sản phẩm này là nguy cơ cho sinh sản.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

máu, hệ thần kinh trung ương, độc tính toàn thân, thận, hệ thống tạo máu, đường hô hấp

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

phổi, máu, thận

hiểm họa hít phải

Không có thông tin về sản phẩm.

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

rối loạn hô hấp

* * *Mục 12 - Thông Tin Về Sinh Thái* * *

Độc tính sinh thái

Có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Độc Tính Cho Môi Trường Nước

ETYLEN GLYCOL MONOBUTYL ETE AXETAT (112-07-2)

Tảo: 72 Hr EC50 *Desmodesmus subspicatus*: >500 mg/L

Động vật không xương sống: 48 Hr EC50 *Daphnia magna*: 37 mg/L

PROPYLEN GLYCOL MONOMETHYL ETE AXETAT (108-65-6)

Cá: 96 Hr LC50 *Pimephales promelas*: 161 mg/L [Tĩnh]

Động vật không xương sống: 48 Hr EC50 *Daphnia magna*: >500 mg/L

γ -Butyrolactone (96-48-0)

Tảo: 72 Hr EC50 *Desmodesmus subspicatus*: 360 mg/L; 96 Hr EC50

Desmodesmus subspicatus: 79 mg/L

Động vật không xương sống: 48 Hr EC50 *Daphnia magna* Straus: >500 mg/L

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả Năng Tích Tụ Sinh Học

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng di chuyển trong Chất Mang Của Môi Trường

Không có thông tin về sản phẩm.

* * *Mục 13 - XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ* * *

Bản Thông Tin An Toàn

Các Phương Pháp Thải Bỏ

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.

* * *Mục 14 - THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN* * *

Thông tin về IATA

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ICAO

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ADR

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về IMDG

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

* * *Mục 15 - Thông Tin Về Quy Định* * *

Danh Mục

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Luật Hóa Chất - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện.

Luật Hóa Chất - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Luật Hóa Chất - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Luật Hóa Chất - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo.

* * *Mục 16 - Thông Tin Khác* * *

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN (EINECS) - Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hữu của châu Âu; ELN (ELINCS)

Bản Thông Tin An Toàn

- Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; Mã IBC - Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; LC50 - Nồng Độ Tử Vong, 50%; LD50 - Liều Tử Vong, 50%; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LOLI - Danh mục của các danh mục™ - Cơ sở dữ liệu các quy định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; NTP = Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Vận Chuyển Đường Sắt Châu Âu; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên

Thông tin khác

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.